

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019/TCDS-ST
Ngày 21 tháng 8 năm 2019
V/v: “Kiện tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Trần Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Chính – Là thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2019/TLST - TCDS ngày 09 tháng 4 năm 2019, về “Kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST – TCDS ngày 05 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/QĐST – TCDS ngày 29/7/2019; Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa ngày 13 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Địa chỉ trụ sở: Số 89, L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Anh T, ông Đỗ Thành Tr và ông Phạm Tuấn A – Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng SME và cá nhân (văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018).

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Vũ Văn C – Chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ V AMC, ông Trần Hoàng H và ông Hồ Đình Q – Cán bộ xử lý nợ V AMC (văn bản ủy quyền số 762/2019/UQ-VBB ngày 21/02/2019).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Mạnh T1, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số nhà 60, Dốc K, đường N, tổ 6, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Nơi làm việc: Trường trung cấp nghề giao thông và xây dựng V. Địa chỉ: Thôn M, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa có mặt ông Trần Hoàng H, anh Phạm Mạnh T1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản khai, các tài liệu, chứng cứ của các bên đương sự được thu thập trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

- Ngày 23/8/2017 anh Phạm Mạnh T1 vay của Ngân hàng thương mại cổ phần V (tiết tắt là V), chi nhánh Hà Nội số tiền 134.000.000đ theo giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm mở và sử dụng tài khoản thanh toán thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử (còn gọi là Hợp đồng tín chấp số LD 1724302228 ngày 31/8/2017). Thời hạn vay 36 tháng, thời hạn trả nợ chia làm 36 kỳ trả nợ. Kỳ trả nợ gốc và lãi đầu tiên vào ngày 15/9/2017, gốc và lãi trả theo phương thức niên kim đều. Mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 25%/năm tính từ ngày giải ngân 31/8/2017, khoản vay không có tài sản bảo đảm. Sau khi vay anh T1 đã trả được 9.034.201đ tiền gốc (ngày 18/9/2017 trả 3.899.366đ, ngày 19/10/2017 trả 2.584.769đ, ngày 29/11/2017 trả 2.550.066đ) và 6.967.906đ tiền lãi. Tổng số tiền anh T1 đã trả cả gốc và lãi là 16.002.107đ. Đến ngày 15/12/2017 anh Phạm Mạnh T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên V chuyển toàn bộ khoản tiền vay trong hạn sang nợ quá hạn. Nay V yêu cầu Tòa án buộc anh Phạm Mạnh T1 phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 11/6/2019 là 203.131.458đ và tiếp tục phải trả lãi tính từ ngày 12/6/2019 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho V.

- Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đến nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi làm việc nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày về nội dung liên quan đến việc vay nợ V.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện chỉ thay đổi về tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm và yêu cầu anh Phạm Mạnh T1 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cả gốc và lãi là 214.009.114đ.

* Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc T1 theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký:

- Việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật. T1 thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc T1 theo pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi Tòa thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên vi phạm khoản 16, Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xem xét nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét quyết định:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 464, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/NQ-QH ngày 30 tháng 12

năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V .

Buộc anh Phạm Mạnh T1 phải có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc và lãi cho V theo quy định của pháp luật.

Án phí sơ thẩm: Anh Phạm Mạnh T1 phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

* Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý đã thực hiện thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về việc xét xử vắng mặt đối với bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, thông báo mở lại phiên tòa đến địa chỉ nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi làm việc của bị đơn nhưng bị đơn vẫn cố ý vắng mặt không chấp hành bất kỳ buổi làm việc nào. Vậy căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy: Đối với giấy đăng ký hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử giữa ông Phạm Mạnh T1 và V vào ngày 23/8/2017 với số tiền nợ gốc 134.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay tiêu dùng (còn gọi là Hợp đồng tín chấp số LD 1724302228 ngày 31/8/2017), lãi suất 25%/năm thời hạn thanh toán được chia thành 36 kỳ tương ứng 36 tháng là Hợp đồng vay tài sản. Hợp đồng này giữa anh T1 ký kết với V là hoàn toàn tự nguyện. Các bên tham gia hợp đồng có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung các điều khoản trong hợp đồng là không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, hình thức hợp đồng thực hiện bằng văn bản. Căn cứ Điều 117, 119, 401, 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì hợp đồng giữa V và anh Phạm Mạnh T1 phát sinh hiệu lực kể từ ngày ký hợp đồng (23/8/2017).

Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 3 Điều 90, khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức Tín dụng năm 2010 và khoản 1, khoản 4 Điều 13 và Điều 20 Thông tư số 39/2016/TTNHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng có hiệu lực ngày 15/3/2017 thì lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng giữa

Phạm Mạnh T1 và V là hoàn toàn phù hợp với pháp luật. Do đó Hợp đồng vay tài sản ký kết giữa V và Phạm Mạnh T1 có hiệu lực pháp luật và là cơ sở pháp lý buộc các bên phải thực hiện. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ngày 31/8/2017 V đã chuyển đủ 134.000.000đ vào tài khoản của Phạm Mạnh T1. Anh T1 đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo kỳ trả gốc và lãi đến 29/11/2017 với số tiền gốc là 9.034.201đ và số tiền lãi là 6.967.906đ (tương đương với ba kỳ thanh toán). Thời điểm phát sinh tranh chấp từ 16/12/2017, do đó V đã chuyển nợ quá hạn đối với anh T1 từ ngày 16/12/2017 đến nay phù hợp với quy định với mức lãi suất 150% so với lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng, tiền lãi chậm trả theo lãi suất giữa Ngân hàng và anh T1 thỏa thuận đã tính không vượt quá 10%/ năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả là phù hợp với quy định tại Điều 13 Luật Các tổ chức Tín dụng năm 2010. Do đó yêu cầu khởi kiện của V buộc anh Phạm Mạnh T1 phải trả toàn bộ gốc và lãi cho V theo hợp đồng vay tín chấp số: LD 1724302228 ngày 31/8/2017 tính đến ngày 21/8/2019 là 214.009.114đ, trong đó nợ gốc là 124.965.779, lãi là 89.043.315đ có căn cứ chấp nhận.

[3] Về yêu cầu của V đòi anh Phạm Mạnh T1 phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ là phù hợp với quy định tại Điều 13 của Luật Các tổ chức Tín dụng năm 2010 và hướng dẫn tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP Tòa án nhân dân tối cao ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất... nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định của pháp luật anh Phạm Mạnh T1 phải nộp toàn bộ án phí tương ứng với số tiền phải trả tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 144, Điều 146, Điều 147 và các Điều 227, 228, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 117, 119, 401 và 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 3 Điều 90, khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức Tín dụng năm 2010.

- Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 13 và Điều 20 Thông tư số 39/2016/TTNHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của chức tín dụng có hiệu lực ngày 15/3/2017.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của V: Buộc anh Phạm Mạnh T1 phải trả cho V số tiền 214.009.114đ (hai trăm mười bốn triệu, không trăm linh chín nghìn, một trăm mười bốn đồng) (tính đến ngày 21/8/2019) trong đó 124.965.799đ tiền gốc và 89.043.315đ tiền lãi.

2/ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay tín chấp số LD 1724302228 ngày 31/8/2017.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Mạnh T1 phải nộp 10.700.455 (làm tròn thành 10.700.000đ) mười triệu, bảy trăm nghìn đồng. Trả lại V toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý là 4.145.000đ (bốn triệu một trăm bốn mươi năm nghìn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí AA/2015/0002065 ngày 09/4/2019.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Phủ Lý;
- Các đương sự;
- L- u hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Mai Oanh